

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 281/2026/DS-PT
Ngày : 29/5/2026
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo và ông Trương Văn Hai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Lương Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 508/2025/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 103/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 499/2025/QĐXX-PT ngày 10 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 507/2025/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2025, Thông báo mở lại phiên tòa số 38/TB-TA ngày 14 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 243/2026/QĐ-PT ngày 04 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959.

1.2. Bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1964.

1.3. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1968.

1.4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970.

1.5. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971.

1.6. Bà Nguyễn Thị Thu Y, sinh năm 1975.

1.7. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Đ1, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Thu Y, Nguyễn Thị T: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1997 (Theo Giấy ủy quyền ngày 24/12/2021).

Cùng nơi cư trú: Số A tổ A, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số A, tổ A, khóm B, phường B, tỉnh An Giang).

1.8. Ông Nguyễn Văn G1, sinh năm 1966 (chết năm 2021).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn G1:

- Bà Phan Thị Út H1, sinh năm 1968;
- Anh Nguyễn Minh T1, sinh năm 1988;
- Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1990;
- Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1997.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị Út H2, anh Nguyễn Minh T1, anh Nguyễn Văn N1: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1997 (Theo Giấy ủy quyền ngày 04/01/2022)

Cùng nơi cư trú: Số A tổ A, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số A, tổ A, khóm B, phường B, tỉnh An Giang).

2. Bị đơn:

2.1 Hộ bà Nguyễn Thị L: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1953; nơi cư trú: Số A, tổ A khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số A, tổ A khóm B, phường B, tỉnh An Giang).

2.2 Hộ bà Nguyễn Thị N2:

- Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1958.
- Ông Đinh Hùng D, sinh năm 1959.
- Ông Đinh Hùng S, sinh năm 1982.
- Bà Đinh Thùy L1, sinh năm 1985.
- Bà Đinh Thị Bảo N3, sinh năm 1988.

Người đại diện theo ủy quyền của ông, bà Đinh Hùng D, Đinh Hùng S1, Đinh Thị Thùy L1, Đinh Bảo N3: Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1958 (theo Giấy ủy quyền ngày 04/6/2020).

Cùng nơi cư trú: Số A, tổ A khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số A, tổ A khóm B, phường B, tỉnh An Giang)

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N2: Ông Phạm Văn T2, sinh năm 1958; nơi cư trú: 4 đường H, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 18/12/2025).

2.3. Hộ Nguyễn Tùng H3.

- Ông Nguyễn Tùng H3, sinh năm 1965.
- Bà Lê Kim A, sinh năm 1969.
- Bà Nguyễn Thị Minh T3, sinh năm 1988.
- Bà Nguyễn Thái P, sinh năm 1993.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Nguyễn Thị L, Lê Thị Kim A, Nguyễn Thái P, Nguyễn Thị Minh T3: Ông Nguyễn Tùng H3, sinh năm 1965 (Theo Giấy ủy quyền ngày 04/6/2020).

Cùng nơi cư trú: Số A, tổ A khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số A, tổ A khóm B, phường B, tỉnh An Giang).

2.4 Bà Nguyễn Diễm T4, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số A, tổ A khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang (nay là số A, tổ A khóm B, phường B, tỉnh An Giang).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Diễm T4: Ông Nguyễn Tùng H3, sinh năm 1965 (theo Giấy ủy quyền ngày 28/7/2020).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ủy ban nhân dân thành phố L;

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban nhân dân thành phố L: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L.

3.2 Ông Nguyễn Hùng L2, sinh năm 1985;

3.3 Cháu Nguyễn Minh S2, sinh năm 2013 và cháu Nguyễn Minh H4, sinh năm 2020 (do bà Nguyễn Diễm T4 (mẹ) và ông Nguyễn Hùng L2 (cha) đại diện theo pháp luật).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn K và tất cả các bị đơn.

(Có mặt: Nguyễn Minh T1, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Tùng H3, Nguyễn Diễm T4 và Phạm Văn T2. Riêng Nguyễn Văn K, Nguyễn Thị Đ, Phan Thị Út H1 có mặt ngày 26/5/2026 nhưng vắng mặt ngày 29/5/2026. Tất cả người còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, các nguyên đơn trình bày:*

Năm 1950, bà nội của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K1 đã tạo được thửa đất mặt tiền hướng sông H, phía sau giáp quốc lộ 91 và đứng bộ số 871, lô số 8ie, tờ D, xã B với diện tích 0ha57.92 xã B (nay là phường B), thành phố L, tỉnh An Giang. Năm 1959 bà K1 chết và được mai táng sau thửa đất và cha mẹ và các anh em trong gia đình cùng con cháu liên tục quản lý, sử dụng diện tích đất này.

Năm 1976, ông Nguyễn Văn R (con bà K1, cha ông Giúp) kê khai mẫu chung diện tích 900m² đất ở, đất trồng cây lâu năm 4.000m² trên phần đất này.

Năm 1963, ông R cho ông Nguyễn Văn L3 ở nhờ trên phần đất này (không có giấy tờ). Tuy nhiên vào năm 1989, 1990 do nhu cầu đất ở gia đình ông R nhiều lần đòi ông L3 trả lại đất nhưng ông L3 không trả.

Ông Nguyễn Văn L3 lúc còn sống, đất có diện tích 2.000 m². Hiện nay đã bị thu hồi mở rộng đường, đất tranh chấp còn diện tích khoảng 1.462m² chạy dài theo Quốc lộ I là 34m, chiều sâu 43m. Nay yêu cầu 03 hộ trả giá trị đất với tổng số tiền là 9.515.168.000 đồng theo chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần T5 ngày 19/9/2022 và phải dời 2 ngôi mộ của ông Nguyễn Văn L3 và bà Nguyễn Thị C, trả lại phần đất trống và cây lâu năm diện tích 946m².

Ngày 22/7/2025, ông Nguyễn Văn K thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu công nhận diện tích 750,3m² được giới hạn bởi các điểm 38,71,25,26,72,75,76 và đồng ý giữ nguyên hiện trạng nhà gắn liền với diện tích đất 462,8m² được giới hạn bởi các điểm 76,75,9,32, không yêu cầu trả giá trị đất và yêu cầu bị đơn di dời 02 ngôi mộ của ông Nguyễn Văn L3, bà Nguyễn Thị C theo Bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 12/9/2022.

** Các bị đơn trình bày:* Trước đây cha của bị đơn là ông Nguyễn Văn L3 có căn nhà đối diện đất đang tranh chấp. Năm 1960 do mở rộng đường trùng nhà ông L3 nên chính quyền chế độ cũ cho phép ông L3 dọn nhà về phần đất đối diện (là đất đang tranh chấp) để cất nhà ở. Thời điểm chuyển nhà gia đình ông L3 có: Ông L3, vợ là bà Nguyễn Thị C, con là Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N2, Nguyễn Thị P1 và Nguyễn Tùng H3. Diện tích đất được cho có chiều ngang 34m, khi nhận đất thì đã có tồn tại ngôi mộ bà Nguyễn Thị K1 nhưng thấy không ảnh hưởng nên không yêu cầu di dời. Năm 1965, được quận T cấp Giấy phép cho sửa nhà lá ngày 16/8/1965. Gia đình ông L3 đã quản lý, sử dụng đất đến khi phát sinh tranh chấp. Trên đất trước đây có 4 căn nhà, sau đó đã chuyển đi 1 nên còn 3 căn nhà gồm: Nhà ông Nguyễn Văn L3 (cũ) hiện do gia đình ông Nguyễn Tùng H3 ở; nhà của bà Nguyễn Thị L và nhà của Nguyễn Thị N2, ngoài ra còn có 02 ngôi mộ trên đất là mộ ông L3 và bà C. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý.

Ngày 22/8/2025, ông Nguyễn Tùng H3, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị L có phản tố yêu cầu công nhận diện tích 1.213,1m² (toàn bộ phần đất đang tranh chấp) theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 12/9/2022 đồng thời yêu cầu nguyên đơn di dời ngôi mộ của bà Nguyễn Thị K1 và đồng ý hỗ trợ chi phí di dời 30.000.000 đồng.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm: Đinh Hùng D, Đinh Hùng S1, Đinh Thùy L1, Đinh Thị Bảo N3, Lê Kim A, Nguyễn Thị Minh T3, Nguyễn Thái P có Bản tự khai thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Tùng H3.

Các đương sự còn lại vắng mặt và không có văn bản trình bày nên không ghi nhận được ý kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực - An Giang đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm: Bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị Đ1, ông Nguyễn Văn G, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Thu Y, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn G1 (do bà Phan Thị Út H1, anh Nguyễn Minh T1, anh Nguyễn Văn N1, anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1997 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng).

Công nhận cho nguyên đơn có quyền sử dụng đối với diện tích 690,9m² tại các điểm 38,71,25,26,72,75,78,64,G,F,E,D,C,B,A,24,50,22,7,51,4,52,63,77,68,67,66,79,76 theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 30/7/2025.

(Nguyên đơn có nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục kê khai, xin cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo quy định).

Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả giá trị đất với số tiền 9.515.168.000 đồng.

Dành quyền lối đi vào các ngôi mộ có diện tích 35,5m² tại các điểm 63,52,4,51,7,22,50,24,A,B,C,D,F,E theo Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 30/7/2025.

Không chấp nhận việc yêu cầu đòi diện tích đất có hiện trạng sử dụng cất nhà ở của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc xác định vị trí, diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (những thành viên trong gia đình tự giải quyết nội bộ xác định để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

(Bản trích đo hiện trạng khu đất do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 30/7/2025 là một phần không tách rời bản án).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 26/9/2025 nguyên đơn anh Nguyễn Văn K kháng cáo yêu cầu công nhận diện tích 750,3m² được giới hạn bởi các điểm 38-71-25-26-72-75-76 thuộc QSDĐ của nguyên đơn và yêu cầu bị đơn di dời 02 ngôi mộ của ông Nguyễn Văn L3 và bà Nguyễn Thị C có diện tích 35,5m² đi nơi khác theo Bản trích đo hiện trạng đất tranh chấp do Công ty TNHH Đ2 lập ngày 12/9/2022.

Ngày 09/10/2025, bị đơn các ông, bà Nguyễn Thái P, Nguyễn Thị Minh T3, Nguyễn Diễm T4, Lê Thị Kim A, Nguyễn Tùng H3, Đinh Thị Bảo N3, Đinh Thị Thùy L1, Đinh Hùng S1, Đinh Hùng D, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N2

kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 103/2025/DS-ST ngày 11/9/2025.

Giai đoạn xét xử phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tạm ngừng phiên tòa và tạm đình chỉ vụ án để tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ; kết quả thẩm định: Hiện trạng khu đất, diện tích và các bất động sản trên đất so với Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 20/3/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 – An Giang, không có sự thay đổi.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Anh Nguyễn Văn K là một trong những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn G1 và cũng là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo, công nhận cho nguyên đơn phần đất có diện tích 750,3m² và buộc bị đơn di dời 02 ngôi mộ của ông Nguyễn Văn L3 và bà Nguyễn Thị C đi nơi khác.

Ông Phạm Văn T2 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N2 trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên. Bởi, căn cứ vào các quyết định của Ủy ban nhân dân thị xã L (cũ), Ủy ban nhân dân thành phố L (cũ) đã xác định bị đơn có quá trình sử dụng đất. Ngoài ra, về nguồn gốc đất, mốc ranh này đã được các bên thừa nhận và đã sử dụng từ năm 1960 đến nay không sự thay đổi; phần diện tích đất gia đình ông R sử dụng nhiều hơn so với diện tích thực tế; nguyên đơn cho rằng cho bị đơn ở nhờ nhưng không có căn cứ chứng minh và nguyên đơn cũng không xác định được phần đất đã bị Nhà nước thu hồi. Hơn nữa, căn cứ vào sổ mục kê, phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các bên đều khai hoang và có quá trình sử dụng trên 70 năm. Do đó, đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm.

Ông Nguyễn Tùng H3 thống nhất với ý kiến của ông Phạm Văn T2, không có ý kiến trình bày bổ sung.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Nguyễn Thị P1 tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và không xem xét chấp nhận hay không chấp nhận phản tố của bị đơn là có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, phúc xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyễn Văn K, Nguyễn Thái P, Nguyễn Thị Minh T3, Nguyễn Diễm T4, Lê Thị Kim A, Nguyễn Tùng H3, Đinh Hùng D, Đinh Hùng S1, Đinh Thị Thùy L1, Đinh Bảo N3, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N2; Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 103/2025/DS-ST ngày

11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực, chuyển hồ sơ lại cho Tòa án nhân dân khu vực giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các ông, bà Nguyễn Văn K, Nguyễn Thái P, Nguyễn Thị Minh T3, Nguyễn Diễm T4, Lê Thị Kim A, Nguyễn Tùng H3, Đinh Hùng D, Đinh Hùng S1, Đinh Thị Thùy L1, Đinh Bảo N3, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N2 kháng cáo trong hạn luật định và nộp tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét thấy, tổng diện tích đất tranh chấp theo Bản trích đo hiện trạng khu đất tranh chấp của Công ty TNHH Đ2 ngày 30/7/2025 là 1.213,1m²; phần diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cấp sơ thẩm áp dụng quá trình sử dụng đất để xem xét là phù hợp.

[2.2] Căn cứ quá trình sử dụng đất của nguyên đơn từ năm 1953 cất nhà ở, năm 1959 bà Nguyễn Thị K1 chết được chôn cất trên đất và năm 1976 ông R có kê khai mẫu chung..... Đồng thời, căn cứ Quyết định Giám đốc thẩm số 27/2021/HC-GĐT ngày 13/9/2021 của Tòa án nhân dân Tối cao giữ nguyên quyết định của Bản án số 08/2018/HC-ST ngày 01/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang; do đó, cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận cho nguyên đơn có quyền sử dụng phần đất có diện tích 690,9m².

[2.3] Riêng, đối với yêu cầu phản tố của các bị đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N2 và ông Nguyễn Tùng H3 yêu cầu công nhận toàn bộ diện tích đất 1.213,1m², cấp sơ thẩm cho rằng bị đơn đang có nhà và vật kiến trúc trên đất nên tiếp tục ổn định, giữ nguyên cho người sử dụng đất đối với phần đất họ sử dụng có vật kiến trúc; cho nên cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu đòi diện tích đất có hiện trạng sử dụng cất nhà ở của bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại phần quyết định, cấp sơ thẩm lại tuyên: “.... Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc xác định vị trí, diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (những thành viên trong gia đình tự giải quyết nội bộ

xác định để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)...” là không rõ ràng, ảnh hưởng quyền lợi của các đương sự.

[2.4] Ngoài ra, theo trình bày của ông Nguyễn Tùng H3 tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguồn gốc đất của bị đơn do cha là ông Nguyễn Văn L3 chết để lại; ông L3 có 04 người con là bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị N2, bà Nguyễn Thị P1 và ông Nguyễn Tùng H3. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị P1 chưa được đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà Nguyễn Thị P1.

[2.5] Từ những phân tích trên, xét thấy bà Nguyễn Thị P1 chưa được tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và Tòa án cấp sơ thẩm cũng không xem xét chấp nhận hay không chấp nhận phản tố của bị đơn là thiếu sót; cấp phúc thẩm không thể xem xét, giải quyết trong giai đoạn phúc thẩm. Do đó, cần hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí và các chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng sẽ được xem xét khi giải quyết vụ án sơ thẩm lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại nên Nguyễn Văn K, Nguyễn Thái P, Nguyễn Thị Minh T3, Nguyễn Diễm T4, Lê Thị Kim A, Nguyễn Tùng H3, Đinh Hùng D, Đinh Hùng S1, Đinh Thị Thùy L1, Đinh Bảo N3, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N2 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310, khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29, Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các ông bà Nguyễn Văn K, Nguyễn Thái P, Nguyễn Thị Minh T3, Nguyễn Diễm T4, Lê Thị Kim A, Nguyễn Tùng H3, Đinh Hùng D, Đinh Hùng S1, Đinh Thị Thùy L1, Đinh Bảo N3, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N2.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 103/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực - An Giang. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực - An Giang để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Sẽ được xem xét giải quyết lại khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2.2. Án phí phúc thẩm: Các ông bà Nguyễn Thái P, Nguyễn Thị Minh T3, Nguyễn Diễm T4, Lê Thị Kim A, Nguyễn Tùng H3, Đinh Bảo N3, Đinh Thị Thùy L1, Đinh Hùng S1, Đinh Hùng D, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N2 – mỗi người được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tiền số 0004669, 0004670, 0004672, 0004674, 0004677, 0004679, 0004681, 0004683, 0004688, 0004689, 0004691 cùng ngày 16/10/2025; anh Nguyễn Văn K được nhận lại 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003640 ngày 09/10/2025 cùng tại Thi hành án Dân sự tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Phòng Thi hành án DS khu vực-An Giang;
- Tòa án nhân dân khu vực-An Giang;
- Phòng KTNV & THA;
- Đương sự “Đề thi hành”;
- Văn phòng; Tòa Dân sự, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng